

Số: 1548/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1 mua thuốc generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế về việc Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu tại Tờ trình số 1234/TTr-BVTN ngày 30/6/2022 về việc đề nghị phê duyệt Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1: Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu; Báo cáo thẩm định ngày 19/7/2022 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế do các cơ sở y tế tự tổ chức lựa chọn nhà thầu (Thành lập theo Quyết định số 517/QĐ-SYT ngày 04/5/2022 của

Giám đốc Sở Y tế) về việc thẩm định Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1 mua thuốc generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu; Tờ trình số 217/TTr-SYT ngày 22/7/2022 của Giám đốc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1 mua thuốc generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu (theo Phụ lục 01; Phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo theo đúng pháp luật quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu về nội dung thẩm định, trình duyệt. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện sai phạm (nếu có) báo cáo UBND tỉnh kịp thời.

2. Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc trình Chủ tịch UBND tỉnh, các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan giám sát việc thi hành pháp luật; Tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Chịu trách nhiệm toàn diện về quá trình lựa chọn nhà thầu tại bước chuẩn bị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành, đơn vị: Tài chính; Y tế; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_S.Hùng, (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân



Phụ lục 01

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU SỐ 1 MUA THUỐC GENERIC NĂM 2022

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa Thào Nguyên huyện Mộc Châu

(Kèm theo Quyết định số: 1548/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)


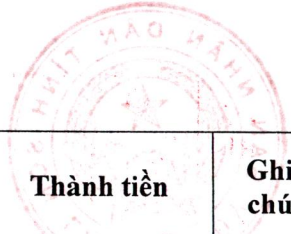
STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 1 Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thào Nguyên huyện Mộc Châu	5.377.035.000 đồng <i>(Năm tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng)</i>	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn; hai túi hồ sơ	Trong Quý III năm 2022	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng




Phụ lục 02

DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU SỐ 1 MUA THUỐC GENERIC NĂM 2022**Đơn vị: Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu***(Kèm theo Quyết định số: 1548/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

TT	TT/ BV	STT trong TT 30	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế (thẩm định)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền	Ghi chú
1	1	1	Atropin sulfat	Nhóm 4	0,25mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	15.000	465	6.975.000	
2	2	2	Bupivacain hydroclorid (dưới dạng Bupivacain hydroclorid monohydrat) 20mg/4ml	Nhóm 4	20mg/4ml	Gây tê tại chỗ	Thuốc tiêm	Ống	2.000	19.645	39.290.000	
3	3	11	Levobupivacain	Nhóm 4	50mg/10ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	700	84.000	58.800.000	
4	4	12	Lidocain hydroclodrid	Nhóm 4	100mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	4.000	2.850	11.400.000	
5	5	30	Rocuronium bromid	Nhóm 4	50mg/5ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.000	51.000	255.000.000	
6	1	485	Nicorandil	Nhóm 4	5mg	Uống	Viên	Viên	35.000	2.394	83.790.000	
7	2	486	Trimetazidin	Nhóm 1	35mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	50.000	2.600	130.000.000	
8	3	495	Amlodipin + Atorvastatin	Nhóm 2	5mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	35.000	3.900	136.500.000	
9	5	508	Candesartan + hydrochlorothiazid	Nhóm 2	32mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	15.000	6.500	97.500.000	
10	6	516	Enalapril maleate + Hydrochlorothiazide	Nhóm 2	10mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	130.000	3.550	461.500.000	

TT	TT/BV	STT trong TT 30	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế (thẩm định)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền	Ghi chú
11	7	526	Lisinopril	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên	Viên	70.000	2.000	140.000.000	
12	8	527	Lisinopril + hydrochlorothiazid	Nhóm 2	10mg +12,5mg	Uống	Viên	Viên	40.000	2.592	103.680.000	
13	9	537	Perindopril Arginine; Indapamide	Nhóm 1	5 mg; 1.25mg	Uống	Viên	Viên	30.000	6.500	195.000.000	
14	10	542	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	Nhóm 3	40mg+ 12,5mg	Uống	Viên	Viên	60.000	3.990	239.400.000	
15	11	543	Valsartan	Nhóm 4	40mg	Uống	Viên	Viên	30.000	3.100	93.000.000	
16	12	568	Bezafibrat	Nhóm 2	200mg	Uống	Viên	Viên	100.000	2.900	290.000.000	
17	13	574	Lovastatin	Nhóm 4	10mg	Uống	Viên	Viên	30.000	1.260	37.800.000	
18	14	578	Simvastatin + Ezetimib	Nhóm 2	10mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	20.000	5.800	116.000.000	
19	15	773	Glibenclamide + metformin hydrochloride	Nhóm 2	5mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	150.000	3.200	480.000.000	
20	16	774	Gliclazid	Nhóm 1	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	100.000	5.150	515.000.000	
21	17	775	Gliclazide + Metformin Hydrochloride	Nhóm 5	80mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	100.000	3.350	335.000.000	
22	18	784	Insulin người trộn, hỗn hợp	Nhóm 5	40IU/ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	10.000	91.500	915.000.000	
23	19	798	Propylthiouracil	Nhóm 4	100 mg	Uống	Viên	Viên	60.000	735	44.100.000	
24	20	799	Thiamazol	Nhóm 4	5 mg	Uống	Viên	Viên	100.000	525	52.500.000	



TT	TT/BV	STT trong TT 30	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế (thẩm định)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền	Ghi chú
25	26	985	Glucose	Nhóm 4	5%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	20.000	7.740	154.800.000	
26	27	990	Natri Clorid	Nhóm 4	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	10.000	7.500	75.000.000	
27	28	990	Natri Clorid	Nhóm 4	0,9%/1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	10.000	15.000	150.000.000	
28	29	994	Ringer Lactat	Nhóm 4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	20.000	8.000	160.000.000	
			Cộng: 28 mặt hàng								5.377.035.000	